

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~16~~ BCTN-PCM

V/v: Báo cáo thường niên 2019

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện.
 2. Mã chứng khoán: PCM.
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 64 đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn- Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.
 4. Điện thoại: 0243.8370362 Fax: 0243.7659816
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Văn Xã – Người đại diện theo pháp luật của Công ty – Tổng Giám đốc Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bưu điện.
Số điện thoại: 0913.237.081.
 6. Nội dung của thông tin công bố: Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện công bố báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty.
 7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố:
<http://www.pcm.vn>
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Xã

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
- Tên tiếng Anh: POST AND TELECOMMUNICATION CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PCM
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100687185 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24/12/2014.
- (Cấp lại lần thứ nhất ngày 14/01/2015)
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 (*Bốn mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Số 64 đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn- Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 3.8370362 Fax: 0243.7659816
- Website: <http://www.pcm.vn> Email:
- Mã cổ phiếu: PCM

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng; Sản xuất các sản phẩm bằng chất dẻo, các sản phẩm từ gang thép, cấu kiện bê tông, cáp thông tin, dây điện và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của Doanh nghiệp; Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, trang thiết bị nội thất; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, tư vấn, thiết kế thông tin hữu tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;

- Sản phẩm dịch vụ chiếm tỷ trọng doanh thu chủ yếu trong hai năm gần nhất: sản phẩm ống nhựa, cột bê tông và xây lắp thiết kế công trình viễn thông.

- Địa bàn kinh doanh trong nước: Viễn thông các tỉnh, thành phố; các công ty thương mại truyền thông, viễn thông, điện.... trên khắp các tỉnh thành cả nước.

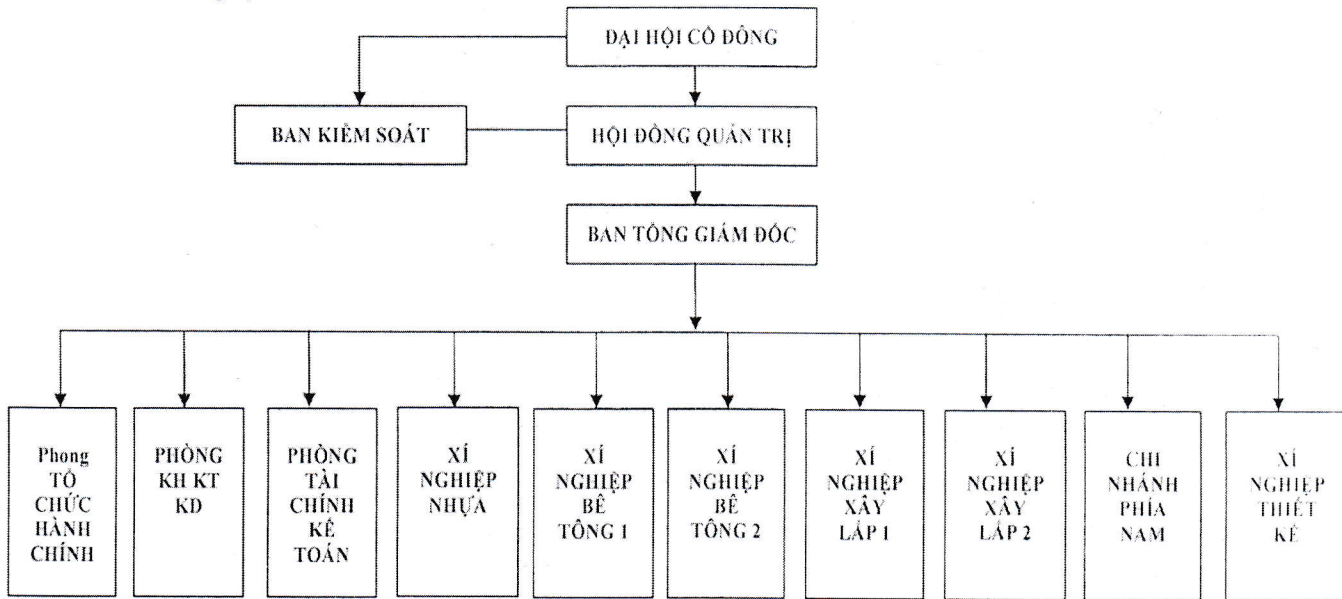
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- *Mô hình quản trị công ty bao gồm:* Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm

soát; Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc là các trưởng phòng chức năng và các giám đốc đơn vị sản xuất

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm:

Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của công ty như sau:



• **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

- ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Có nhiệm vụ thảo luận, thông qua các Điều lệ Công ty. Quyết định bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty, quyết định tổ chức lại hay giải thể Công ty. Có chức năng kiểm tra và xử lý các sai phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty. Hoạt động theo quy định của pháp luật và luật Doanh nghiệp.

• **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Có chức năng quyết định chiến lược phát triển, phương án đầu tư của Công ty. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty. Có quyền quyết định thành lập hoặc giải thể các xí nghiệp trực thuộc, chi nhánh. Hoạt động theo quy định của pháp luật.

• **Ban Kiểm soát (BKS)**

BKS là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Hoạt động theo quy định của pháp luật.

- **Ban Tổng Giám đốc.**

Gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hay bãi nhiệm. Điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, có quyền điều hành và tổ chức Công ty khi Tổng giám đốc đi vắng.

- **Các phòng chức năng:**

- Phòng Tổ chức - Hành chính: có chức năng giúp Tổng giám đốc trong điều hành, tổ chức thực hiện công tác tổ chức, lao động tiền lương của Công ty. cũng như giúp Tổng giám đốc quản lý công tác hành chính của Công ty.

- Phòng Kế toán - Tài chính: có chức năng giúp Tổng giám đốc trong điều hành, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán và quản lý tài sản của Công ty theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Kinh doanh: có chức năng giúp Tổng giám đốc trong quản lý, tổ chức thực hiện công tác kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty. Quản lý công tác kỹ thuật và giám sát chất lượng sản phẩm của Công ty.

- Các Xí nghiệp trực thuộc và các chi nhánh: có chức năng giúp Tổng giám đốc trong điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo uỷ quyền của Tổng giám đốc.

- 5. **Định hướng phát triển:**

- **Các mục tiêu chủ yếu:**

+ Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế nội bộ. Giám sát chặt chẽ chi phí đầu vào, giá bán đầu ra. Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các quy chế, quy định nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật.

+ Chỉ đạo ban điều hành phải tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát hơn trong việc quản lý sản xuất, quản lý tài chính, quản lý lao động. Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân kỹ thuật...

+ Đổi mới hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả giám sát, điều hành chỉ đạo trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp

luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa để phát huy năng lực và sự chủ động của ban điều hành.

+ Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoạt động của theo đúng quy chế, quy định của Pháp luật, trên nguyên tắc phòng ngừa là chính, tránh sai sót ngay từ những khâu đầu tiên trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư.

+ Tranh thủ tối đa sự giúp đỡ, hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn VNPT, cũng như sự hỗ trợ của UBND thành phố và chính quyền địa phương. Chấp hành nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của đại diện Chủ sở hữu.

+ Phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm

+ Không ngừng khẳng định thương hiệu PCM trên thị trường trong và ngoài nước.

+ Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm đang còn tiềm năng.

+ Đầu tư phát triển các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường.

+ Đầu tư tăng năng lực sản xuất, cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm

+ Liên danh, liên kết để hợp tác kinh doanh.

+ Tích cực giữ vững và phát triển thị trường để nâng cao năng lực tiêu thụ sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

+ Công ty luôn cam kết trở thành đối tác tin cậy với tất cả các bên hữu quan khách hàng, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Mong muốn đóng góp để tăng chất lượng cuộc sống của tất cả người lao động và cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động, nỗ lực để tạo dựng một nền tảng tốt cho xã hội trong tương lai.

+ Cam kết tạo ra một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh tại công ty và khu vực xung quanh. Hướng tới sự phát triển bền vững về mặt kinh tế, môi trường và xã hội.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, lạm phát, thất nghiệp được kiểm soát, thu nhập của người dân tăng lên thì nhu cầu đối với sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ viễn thông cũng tăng lên và ngược lại. Theo đánh giá của chuyên gia: trong bối cảnh kinh tế hồi phục còn chậm, nền kinh tế Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế thế giới và sẽ tiếp tục gặp phải

không ít khó khăn. Tình hình cạnh tranh trên thị trường thông tin và truyền thông tiếp tục diễn ra gay gắt giữa các nhà mạng. Theo đó sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại cũng sẽ khốc liệt hơn. Như vậy điều kiện vĩ mô sẽ tiếp tục có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- **Rủi ro cạnh tranh:** Cùng lúc có nhiều đơn vị cùng ngành cung cấp sản phẩm cùng loại đã tạo ra tính cạnh tranh cao; bên cạnh đó đơn hàng có giá trị lớn thì đa số phải tham gia các dự án đấu thầu và để mong muốn trúng thầu thì các nhà cung cấp đua nhau hạ giá thành sản phẩm, sự cạnh tranh gay gắt đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty

- **Rủi ro nguyên vật liệu:** Bên cạnh đó là sự rủi ro đến từ sự biến động của giá nguyên vật liệu như: đồng, bột nhựa, xi măng, sắt thép...đặc biệt khi mà đa phần các nguyên vật này đều phải nhập khẩu từ nước ngoài khiến cho giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh khi giá đồng, dầu thô, nhựa ... trên thế giới có sự thay đổi liên tục. Ngoài ra sự khan hiếm nguyên vật liệu cục bộ sẽ xảy ra khi mà nhu cầu tăng mạnh theo từng thời điểm trong năm, điều này sẽ tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty, rủi ro này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 và dự kiến tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2020.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh	
						TH/KH	N19/18
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT)	Tr/d	115.000	121.000	102.000	84,3%	89%
2	Tổng doanh thu thuần	Tr/d	110.489	121.500	100.919	83,1%	91,3%
3	Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	Tr/d	5.103	5.400	6.017	111,4%	117,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr/d	640	3.362	1.327	40%	207%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr/d	495	2.690	1.056	39,3%	213%
6	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.d/ người/ tháng	7,23	7,5	7,69	102,5%	106,3%

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ	Ghi chú
1	Bùi Văn Xã	15/9/1963	011721494	TV HĐQT, Tổng giám đốc	
2	Cao Sơn Bắc	01/6/1961	013027164	TV HĐQT, P. Tổng giám đốc	
3	Lê Anh Quân	19/10/1975	012406236	TV HĐQT, P. Tổng giám đốc	Giữ chức vụ P. TGD từ 03/7/2019
4	Phan Thị Thanh Huyền	27/3/1979	011875897	Kế toán trưởng Trưởng phòng TCKT	

- *Họ và tên: **BÙI VĂN XÃ**
1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 15/9/1963
3. Nơi sinh: Lê Hồng, Thanh Miện, Hải Dương
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ thường trú: B3, TT Viện máy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
6. CMTND: 011721494 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 26/4/2004
7. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Chế tạo máy
8. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1986 – 6/1995	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Cán bộ kỹ thuật
7/1995 – 12/1996	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó Giám đốc XN Nhựa Bưu điện
01/1997 - 8/2003	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Giám đốc XN Nhựa
9/2003 – 12/2005	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó Tổng Giám đốc
01/2006 – 5/2012	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
6/2012 - 4/2017	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4/2017 đến nay	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	TV HĐQT Tổng giám đốc

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 10.325 cổ phần tương ứng 0,26%

- Sở hữu đại diện VNPT: 600.000 cổ phần tương ứng 15%
- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*):

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trương Thị Dung	Vợ	7.400	0.19%

13. Các khoản nợ đối với công ty: không
14. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
15. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

- * Họ và tên: **CAO SƠN BẮC**
1. Giới tính: Nam
 2. Ngày sinh: 01/6/1961
 3. Nơi sinh: Việt Thành, Trấn Yên, Yên Bái
 4. Quốc tịch: Việt Nam
 5. Địa chỉ thường trú: Số 15, tổ 15A, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội
 6. CMTND: 013027164 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp: 01/12/2007
 7. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hữu tuyến, Cử nhân Luật
 8. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
 10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1983 – 4/1997	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Chuyên viên phòng Kế hoạch
5/1997 – 02/2000	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó phòng Kinh doanh tiếp thị
03/2000 – 12/2005	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường
01/2006 – 12/2007	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường, Thành viên HĐQT
01/2008 đến nay	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:(*nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ*):
 - Sở hữu cá nhân: 7.575 cổ phần tương ứng 0,19%
 - Sở hữu đại diện VNPT: 600.000 cổ phần tương ứng 15%

- Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): không
- 12. Các khoản nợ đối với công ty: không
- 13. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
- 14. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

- * Họ và tên: **LÊ ANH QUÂN**
1. Giới tính: Nam
 2. Ngày sinh: 19/10/1975
 3. Nơi sinh: Thạch Việt – Thạch Hà – Hà Tĩnh
 4. Quốc tịch: Việt Nam
 5. Địa chỉ thường trú: 12/160 P. Bạch Đằng – Hoàn Kiếm – Hà Nội
 6. CMTND: 012406236 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 27/8/2009
 7. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
 8. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Kinh Doanh.
 9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
 10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1996 - 2002	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Nhân viên phòng Kinh doanh
2003- 2005	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó phòng Kinh doanh
2006 - 2012	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	Giám đốc XNXL VT I
2013 – 6/2019	Công ty CP Vật liệu xây dựng Bưu điện	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Kinh doanh
7/2019 đến nay	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó Tổng Giám đốc

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Sở hữu cá nhân: 65.225 cổ phần tương ứng 1,63%
 - Sở hữu đại diện: không
 - Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): không

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ % nắm giữ
1	Ngô Thị Ngân	Vợ	0	0

13. Các khoản nợ đối với công ty: không
14. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
15. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

*Họ và tên: **PHAN THỊ THANH HUYỀN**

1. Giới tính: Nữ
2. Ngày sinh: 27/03/1979
3. Nơi sinh: Hà Nội
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ thường trú: P8- A6 - Thịnh Quang - Đống Đa Hà Nội
6. CMTND: 011875897 Nơi cấp: CAHàNội
Ngày cấp: 25/7/2008
7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý kinh doanh
8. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng
9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2003 - 6/2008	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	NV Phòng KHKD
07/2008 - 11/2012	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	NV phòng TCKT
12/2012 - 4/2017	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	Phó phòng TCKT
04/2017 đến nay	Công ty Vật liệu xây dựng Bưu điện	TP TCKT, Kế toán trưởng

11. Hành vi vi phạm pháp luật: không
 12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Sở hữu cá nhân: 5.625 cổ phần tương ứng 0,14%
 - Sở hữu đại diện: không
 - Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): không
 13. Các khoản nợ đối với công ty: không
 14. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
 15. Lợi ích liên quan đối với công ty: không
- Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm
+ Số lượng cán bộ: 19 người
+ Số lượng công nhân viên: 94
- Tóm tắt chính sách đối với người lao động Công ty:

Công ty đặc biệt chú trọng tới yếu tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp

Ngoài những quyền lợi được quy định trong bộ luật lao động, người lao động trong công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ theo thỏa ước lao động tập thể như hàng năm được nghỉ mát hè, du xuân đầu năm...được Công đoàn Công ty thăm hỏi, động viên khi đau ốm.

Công ty luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo sức khỏe cho người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Trong công tác đào tạo, công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân, khuyến khích các cán bộ trẻ và người lao động phát huy sáng tạo và tạo ra các giá trị sản phẩm mới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2019

a. Các khoản đầu tư lớn: không có

b. Công ty con:

STT	Công ty con	Trụ sở	VĐL (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Một thành viên VLXD Bưu điện 2	Số 64 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	3.000.000.000	100%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
Tổng giá trị tài sản	97.836.107.843	94.179.058.827	96,3%
Tổng doanh thu thuần	110.489.311.528	100.918.564.944	91,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	705.554.934	1.334.913.175	189,2%
Lợi nhuận khác	-65.586.398	- 8.000.000	187,8%
Lợi nhuận trước thuế	639.968.536	1.326.913.175	207,3%
Lợi nhuận sau thuế	494.649.993	1.055.925.564	213,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,24%	2,2	177,8%

b) Các chỉ tiêu khác:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	T/hiện năm 2018	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh	
						TH19/ KH19	TH19/ TH18
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT)	Triệu đồng	115.000	121.000	102.000	84,3%	89%
2	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	110.489	121.500	100.919	83,1%	91,3%
3	Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	5.103	5.400	6.017	111,4%	117,9%

4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	640	3.362	1.327	40%	207%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	495	2.690	1.056	39,3%	213%
6	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.đ/ng/tháng	7,23	7,5	7,69	102,5%	106,3%

C) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Khả năng thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	2,22	2,49	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,63	1,77	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,32	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,55	0,48	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,29	3,83	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,14	1,07	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>	0,01	0,015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,015	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,015	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.920.000
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.920.000
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: không có.
- Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: không có.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 16/3/2020:

Stt	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	TỶ LỆ/VDL (%)
I	Phân theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên) - CĐ Nhà nước (VNPT)	1.960.000	19.600.000.000	49%
2	Cổ đông nhỏ	1.960.000	19.600.000.000	49%
3	Cổ phiếu quỹ	80.000	800.000.000	2%
	Tổng cộng	4.000.000	40.000.000	100%
II	Phân theo Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
1	Cổ đông tổ chức	2.159.408	21.594.080.000	53,9852%
2	Cổ đông cá nhân	1.840.592	18.405.920.000	46,0148%
III	Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước			
1	Cổ đông trong nước	2.040.000	20.400.000.000	51%
2	Cổ đông nước ngoài			
3	Cổ đông nhà nước (VNPT)	1.960.000	19.600.000.000	49%

Nguồn dữ liệu thống kê số lượng cổ phần được tập hợp từ danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán PCM. (ngày đăng ký cuối cùng là 16/3/2020) do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	DIỄN GIẢI *	ĐVT	TỔNG
I	<u>Nguyên vật liệu</u>		
1	PVC	kg	1.009.415
2	Thép các loại	kg	888.927
II	<u>Bao bì đóng gói</u>		
1	Không có		

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Xăng	đồng	228.640.000
2	Dầu các loại	đồng	81.350.000
3	Điện năng	Kw	1.080.000

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái chế): Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước sạch từ Công ty cấp thoát nước: 95.000m³
- Nguồn nước giếng tự khoan khoảng: 75.000m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng sản lượng nước được tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm: 106

- Mức thu nhập bình quân của người lao động: 7,69 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tổ chức huấn luyện công tác ATVSLĐ phạm vi toàn Công ty định kỳ hàng năm.
- Trang bị bảo hộ lao động định kỳ cho công nhân sản xuất.
- Đảm bảo đầy đủ và an toàn các trang bị phòng chống cháy nổ.
- Định kỳ tổ chức cho CBCNV đi lễ đầu năm; nghỉ mát vào hè.
- Quan tâm thăm hỏi và động viên CNCNV khi ốm đau, hiếu, hi...

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:

- + Nhân viên khối chức năng: 560 giờ

- + Công nhân trực tiếp sản xuất: 900 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- + Đào tạo, kèm cặp bổ sung thêm tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất
- + Hướng dẫn công nhân vận hành thành thạo các thiết bị sản xuất.
- + Đào tạo kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ bán hàng, kế toán, lao động tiền lương, quản lý hành chính, quản lý kỹ thuật – công nghệ sản xuất...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả sản xuất kinh doanh**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh	
						TH19/K H19	TH19/TH18
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT)	Triệu đồng	115.000	121.000	102.000	84,3%	89%
2	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	110.489	121.500	100.919	83,1%	91,3%
3	Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	5.103	5.400	6.017	111,4%	117,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	640	3.362	1.327	40%	207%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	495	2.690	1.056	40 %	213%
6	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.đ/ng/tháng	7,23	7,5	7,69	102,5 %	106,3 %

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch chính.

- Tổng doanh thu đạt: 100,919 tỷ đồng đạt 83,1% kế hoạch, bằng 91,3 % so với năm 2018. Trong đó:
 - + Doanh thu Nhựa và Cáp: 40 tỷ đồng
 - + Doanh thu Xây lắp và Thiết kế : 19,1 tỷ đồng.
 - + Doanh thu Bê tông: 37,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1,056 tỷ đồng, đạt 40 % kế hoạch, bằng 213% so với năm 2018.
- Nộp ngân sách: 6,017 tỷ đồng
- Tỷ suất LNST/VCSH: 2,6 %

- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu: 240 đồng/cổ phiếu
- Thu nhập bình quân: 7,69 triệu đồng người/tháng, tăng 106,3% so với năm 2019.
- Năm 2019 tình hình tài chính của Công ty tiếp tục ổn định, lành mạnh. Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp tái cơ cấu về Lao động, tổ chức, kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu nhu cầu thị trường để mở rộng sản xuất nhằm tăng sản lượng và doanh thu cho công ty.
- **Về sản phẩm Cột Bê tông:** Năm 2019 doanh thu sản phẩm Bê tông là 37.1 tỷ đồng đạt 77,3% kế hoạch, bằng 84 % so với năm 2018.

Công ty đã trúng các gói thầu lớn và khai thác có hiệu quả dây chuyền sản xuất cột bê tông ly tâm dự ứng lực treo cáp thông tin theo TCCS 01-2009/VNPT ban hành theo QĐ số 108/QĐ-KHCN-HĐQT ngày 22/4/2009 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Cột bê tông là sản phẩm truyền thống của Công ty trong suốt 47 năm qua, Công ty cũng luôn chú trọng duy trì và phát triển lĩnh vực này, đã khai thác và phát huy hiệu quả của đầu tư dây chuyền sản xuất cột bê tông dự ứng lực.

Sản phẩm bê tông chủ yếu phục vụ thị trường các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT, trong năm qua VNPT đầu tư cho mạng ngoại vi sử dụng cột bê tông rất ít; Công ty phải vận chuyển và giao hàng tại chân công trình cho các dự án vùng sâu, vùng xa như: các huyện biên giới tỉnh Sơn la, Cao Bằng, Lào Cai.....do đó chi phí vận chuyển từ Hà Nội lên là rất lớn; giá cả nguyên vật liệu, vật tư đầu vào liên tục tăng cao; bên cạnh đó giá bán lại phải cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ tại các địa phương nên Công ty gặp rất nhiều đến việc tiêu thụ sản phẩm; ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD.

- Về sản phẩm ống nhựa:

Năm 2019 doanh thu sản phẩm ống nhựa là 36,4 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch, bằng 109% so với năm 2018.

Do tính chất sản phẩm Ống nhựa của Công ty là chuyên dụng để bảo vệ Cáp viễn thông và Cáp điện lực. Ống nhựa của Công ty chủ yếu tập trung cung cấp cho các dự án mở rộng các hạ tầng giao thông, hạ ngầm các tuyến cáp ở thành phố và các khu đô thị. Sản phẩm Nhựa của Công ty phục vụ đa dạng khách hàng như VNPT, FPT, Truyền hình cáp, Mobifone, Công ty hạ tầng CMC, công ty truyền hình Cáp; Công ty đã mở rộng thị trường, ký được hợp đồng cung cấp sản phẩm cho các công trình trọng điểm quốc gia như: Cầu Bãi thơ – Quang Ninh, dự án nhà máy ô tô Vinfat ở Cát Hải, đường vành đai 3 Hà Nội, dự án Coco Bay Đà Nẵng....

Tuy nhiên do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên Công ty buộc phải hạ giá thành sản phẩm để ký được trong khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao; bên cạnh đó nhiều chi phí phát sinh như: phí vận chuyển tăng cao, chi phí

sửa chữa do thiết bị có tuổi đời sử dụng đã lâu... nên đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm này.

- **Về sản phẩm cáp:** Các loại Cáp đồng lớn không còn tiêu thụ được, dây chuyền sản xuất Cáp đồng hầu như dừng hoàn toàn, không có việc làm do không còn thị trường tiêu thụ, Công ty hiện nay chỉ sản xuất nhỏ lẻ tận dụng những vật tư tồn kho.

- **Về Xây lắp thiết kế:** Công ty có 4 đơn vị trực thuộc tham gia trong lĩnh vực này, trong năm 2019 doanh thu : 19,2 tỷ đồng đạt 57% kế hoạch, 85% so với 2018. Lĩnh vực xây lắp do ảnh hưởng của Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/9/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ và văn bản số: 1303/VNPT-KHĐT, ngày 26/3/2018 của Tập đoàn về hướng dẫn ưu đãi đối với đấu thầu trong nước liên quan đến doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ. Công ty PCM là doanh nghiệp vừa theo quy định thì không được tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp có giá trị dưới 5 tỷ. Do vậy trong năm 2019 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dự án.

- Công tác quản lý điều hành.

Trước tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn, các dự án đầu tư hạ tầng đang ít dần về số lượng giảm dần về qui mô, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt giành giật lấy đơn hàng về cho mình, các loại thuế, phí ngày càng cao. Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông năm 2019 đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã luôn bám sát tình hình diễn biến của thị trường, đưa ra những quyết sách phù hợp cho mọi hoạt động của Công ty bảo đảm hiệu quả nhất cho Công ty và Cổ đông.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh để phát huy hết khả năng nội lực của công ty. Quản lý chặt chẽ nguồn vốn và tình hình tài chính.

Luôn đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

Cơ cấu lại lao động các đơn vị để có điều kiện tăng lương cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động phát huy được hết khả năng của mình nâng cao thu nhập cho bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của toàn Công ty.

Tăng cường công tác mở rộng thị trường để khai thác có hiệu quả đầu tư dây chuyền sản xuất Cột bê tông dự ứng lực, dây chuyền sản xuất ống nhựa.

- Các công tác khác.

Mặc dù năm 2019 của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo Công ty cũng đã quyết tâm tìm mọi cách để đưa Công ty thoát khỏi khó khăn; từng bước ổn định và phát triển. Bảo đảm được các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng qui định của pháp luật. BHXH, BHYT, BHTN được đóng đầy đủ, nâng lương nâng bậc cho người lao động đúng kỳ

hạn, giải quyết chế độ hưu trí và chấm dứt hợp đồng theo đúng qui định của pháp luật. Duy trì tham quan, nghỉ mát, ăn ca, khám chữa bệnh, thăm hỏi ốm đau, việc hiếu, việc hỷ được quan tâm chu đáo.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018
1. Tài sản ngắn hạn	74.926.276.636	73.406.946.895	98%
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.793.243.901	4.600.699.599	53%
Các khoản phải thu ngắn hạn	46.408.011.597	47.514.352.678	102%
Hàng tồn kho	19.725.021.138	21.145.583.280	107%
Tài sản ngắn hạn khác	0	146.311.338	
2. Tài sản dài hạn	22.909.831.207	20.772.111.932	91%
Tài sản cố định	22.554.636.327	20.445.126.883	91%
Các khoản phải thu dài hạn	0		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0		
Tài sản dài hạn khác	355.194.880	326.985.049	92%
Tổng tài sản	97.836.107.843	94.179.058.827	96%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018
Nợ ngắn hạn	33.792.611.343	29.463.404.561	87%
Nợ dài hạn	812.600.000	967.754.000	119%
Nợ phải trả	34.605.211.343	30.431.158.561	88%

Để có nguồn vốn mở rộng hoạt động SXKD, nâng cao doanh thu. Công ty tăng nguồn vốn vay ngắn hạn, tuy nhiên vẫn đảm bảo mức cân đối vốn an toàn. Công ty thực hiện trích các khoản dự phòng theo đúng quy định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: HDQT đã cùng Tổng giám đốc tiếp tục tăng cường công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD; quán triệt tinh thần và nghiêm túc thực hiện chính sách khen thưởng động viên trong kỷ luật lao động; sử dụng các biện pháp tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mục tiêu hoạt động năm 2020:

- + Phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2020
- + Tạo thêm việc làm và đảm bảo thu nhập bình quân luôn tăng trưởng cho người lao động.
- + Nghiên cứu mở rộng hoạt động SXKD của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	SS KH 2020/TH 2019 (%)
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) (tr/đ)	121.000	102.000	110.000	107,8%
2	Tổng doanh thu (chưa có thuế) (tr/đ)	121.500	100.919	111.000	110%
3	Nộp ngân sách NN (tr/đ)	5.400	6.017	5.720	95%
4	Lợi nhuận trước thuế (tr/đ)	3.362	1.327	1.306	98%
5	Lợi nhuận sau thuế (tr/đ)	2.690	1.056	1.045	99%
6	Thu nhập của người lao động bình quân /tháng (tr/đ)	7,5	7,69	8,2	107%

- Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, dịch vụ:

Trong năm 2019 Công ty duy trì mức doanh thu đã đạt được với các khách hàng truyền thống, tích cực mở rộng thị trường sản phẩm sang lĩnh vực hạ tầng giao thông, đô thị.

Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận chỉ có thể đạt được nếu tình hình thị trường dự kiến không có biến động và giá cả hàng hóa sản xuất đạt được mức phù hợp với chi phí đầu vào tăng.

- Kế hoạch phát triển kỹ thuật và sản xuất sản phẩm.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì sản xuất ổn định các sản phẩm truyền thống đang còn nhu cầu sử dụng trên thị trường

Đầu tư tăng năng lực sản xuất, cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm ống nhựa và cột bê tông. Đầu tư phát triển sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Các biện pháp thực hiện mục tiêu năm 2020:

Về quản lý điều hành: tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm soát quá trình nhằm giảm định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Về kinh doanh: duy trì thị trường đang có một cách vững chắc, đẩy mạnh phát triển thị trường mới.

Về quản lý tài chính: nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua các giải pháp tăng cường thu nợ đúng hạn, tích cực khai thác nguồn vốn có chi phí rẻ để đảm bảo chi phí sử dụng vốn luôn ở mức thấp nhất, tạo lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu chi phí tài chính cho Công ty.

Về đầu tư phát triển: duy trì và phát triển sản phẩm truyền thống ống nhựa và cột bê tông các loại, phát triển thêm sản phẩm mới. Tăng cường cải tiến và sửa chữa thiết bị, tiếp tục nghiên cứu để nâng cao năng lực sản xuất ở khâu trọng yếu của quy trình. Liên danh liên kết để hợp tác mở rộng sản xuất đa dạng sản phẩm.

5. Giải trình của Ban tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng
- Sử dụng các thiết bị có hiệu suất thấp bằng các thiết bị có dán nhãn tiết kiệm năng lượng
- Tăng cường thu hồi tài nguyên nước có thể tái sử dụng
- Thực hiện các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường phù hợp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Trong năm qua tập thể Lãnh đạo công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, Hội đồng quản trị đã cùng Tổng giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các nghị quyết của HĐQT bằng các giải pháp trọng tâm, đồng bộ, thực hiện mục tiêu đẩy mạnh công tác bán hàng để nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2019 Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và các báo cáo về tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các buổi họp định kỳ và đột xuất.

- Trong năm 2019 Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp trọng tâm phù hợp và linh hoạt hơn trong từng giai đoạn và từng thời điểm, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn của Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán (đính kèm báo cáo này)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Xã